



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 385/2018/CV-TCHC
V/v: Công bố BCTC quý 2/2018

-----oO-----
Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0214 3501 540 Fax: 0214 3903 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lại Thị Kim Huệ Người được ủy quyền Công bố thông tin của Công ty.
6. Nội dung công bố thông tin:
 - Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 2 năm 2018 kết thúc ngày 30/6/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 2/2018 của Công ty tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được Ủy quyền CBTT

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Lại Thị Kim Huệ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính Quý II/2018
tại ngày 30 tháng 06 năm 2018



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương
Ông Nguyễn Việt Dũng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thanh Huấn
Ông Nguyễn Xuân Dũng
Ông Nguyễn Doãn Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho Quý II/2018 tại ngày 31 tháng 03 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính Quý II /2018 được trình bày từ trang 3 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 


Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, ngày 16 tháng 07 năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		124.650.086.165	205.055.943.899
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.600.182.711	147.147.151.062
Tiền	111		6.600.182.711	122.147.151.062
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.869.695.684	34.833.351.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	50.227.495.088	26.181.154.807
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.413.307.886	3.027.830.759
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.228.892.710	5.624.365.793
Hàng tồn kho	140	7	22.806.290.370	23.040.287.501
Hàng tồn kho	141		22.806.290.370	23.040.287.501
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.373.917.400	35.153.977
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.373.917.400	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	-	35.153.977
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.740.925.861.338	1.778.016.012.314
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.060.670.918	18.060.670.918
Phải thu dài hạn khác	216	8	18.060.670.918	18.060.670.918
Tài sản cố định	220		1.705.989.200.779	1.743.570.284.992
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.705.989.200.779	1.743.570.284.992
Nguyên giá	222		1.951.961.513.036	1.953.637.940.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(245.972.312.257)	(210.067.656.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.655.042.181	4.986.048.028
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	5.655.042.181	4.986.048.028
Tài sản dài hạn khác	260		11.220.947.460	11.399.008.376
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	11.220.947.460	11.399.008.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.865.575.947.503	1.983.071.956.213

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.261.902.936.236	1.318.212.302.714
Nợ ngắn hạn	310		142.235.868.863	113.953.235.341
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.064.175.119	4.880.013.103
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.216.854.639	6.215.757.160
Phải trả người lao động	314		1.019.929.420	4.955.733.040
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.892.365.740	3.849.433.194
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	36.126.813.312	3.952.489.798
Vay ngắn hạn	320	16(a)	89.184.000.000	89.184.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.731.730.633	915.809.046
Nợ dài hạn	330		1.119.667.067.373	1.204.259.067.373
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	16(b)	1.119.646.067.373	1.204.238.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		603.673.011.267	664.859.653.499
Vốn chủ sở hữu	410	17	603.673.011.267	664.859.653.499
Vốn cổ phần	411	17	499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.345.003.954	150.531.646.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.122.518.186	37.939.820.383
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		36.222.485.768	112.591.825.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.865.575.947.503	1.983.071.956.213

Ngày 16 tháng 07 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

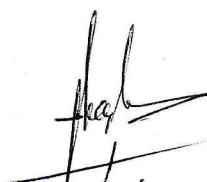
Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	01	96.182.119.083	104.974.661.720	157.206.083.550	156.065.261.340
Giá vốn hàng bán	11	27.107.759.266	35.288.966.905	50.590.203.151	65.322.073.403
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	69.074.359.817	69.685.694.815	106.615.880.399	90.743.187.937
Doanh thu hoạt động tài chính	21	662.863.114	584.981.903	1.334.017.359	783.514.881
Chi phí tài chính	22	29.900.479.439	34.394.379.083	57.772.784.527	66.390.309.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>29.885.944.860</i>	<i>33.981.320.191</i>	<i>57.726.611.069</i>	<i>65.752.593.233</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.192.868.051	4.187.523.145	11.375.142.397	8.564.406.659
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)	30	33.643.875.441	31.688.774.490	38.801.970.834	16.571.986.939
Thu nhập khác	31	95.375.457	303.815.857	172.585.583	321.864.296
Chi phí khác	32	803.342.828	1.806.449.383	803.342.828	1.887.537.383
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	(707.967.371)	(1.502.633.526)	(630.757.245)	(1.565.673.087)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	32.935.908.070	30.186.140.964	38.171.213.589	15.006.313.852
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.686.962.545	-	1.948.727.821	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	31.248.945.525	30.186.140.964	36.222.485.768 ✓	15.006.313.852
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	625	707	725	361

Ngày 16 tháng 07 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2018 VND	30/06/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		38.171.213.589	15.006.313.852
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		35.904.656.252	35.704.593.003
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			270.056.200
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.334.017.359)	(605.234.062)
Chi phí lãi vay	06		57.726.611.069	65.752.593.233
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		130.468.463.551	116.128.322.226
Biến động các khoản phải thu	09		(29.938.077.997)	(18.020.156.985)
Biến động hàng tồn kho	10		233.997.131	(2.243.531.872)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.404.828.225	731.462.091
Biến động chi phí trả trước	12		(1.195.856.484)	(1.161.867.832)
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.683.678.523)	(74.372.290.441)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(288.923.188)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.624.078.413)	(3.557.596.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.376.674.302 ✓	17.504.340.582
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(6.329.728.622)	(2.867.991.501)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24			65.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.290.905.008	605.234.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.038.823.614)	62.737.242.561

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho ngày 30 tháng 06 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2018 VND	30/06/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33			48.241.150.132
Tiền trả nợ gốc vay	34		(84.592.000.000)	(149.008.305.533)
Tiền trả cổ tức	36		(60.292.819.039)	(6.357.991.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(144.884.819.039)	(107.125.146.531)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(110.546.968.351)	(26.883.563.388)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	36.600.182.711 ✓	9.967.194.768

Ngày 16 tháng 07 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II /2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 134 nhân viên

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

(j) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(n) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất điện và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	370.134.766	1.030.376.267
Tiền gửi ngân hàng	6.230.047.945	121.116.774.795
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	25.000.000.000
	36.600.182.711	147.147.151.062

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu người lao động		157.435.190
Tạm ứng	4.173.307.145	4.791.427.145
Phải thu khác	1.055.585.565	675.503.458
	5.228.892.710	5.624.365.793

7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.374.628.809	-	1.386.615.225	-
Công cụ và dụng cụ	21.431.661.561	-	21.653.672.276	-
	22.806.290.370	-	23.040.287.501	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm đất thuê (tại xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm 1 tháng 8 năm 2013 cho số tiền Công ty đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất kể trên. Tiền thuê đất này đang được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.388.306.152.194	102.550.958	557.461.229.800	7.768.008.045	1.953.637.940.997
Tăng trong năm	-	-	(180.724.985)	-	-
Giảm do quyết toán công trình (*)	(1.495.702.976)	-	-	-	(1.676.427.961)
Số dư cuối năm	1.386.810.449.218	102.550.958	557.280.504.815	7.768.008.045	1.951.961.513.036
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	122.732.560.319	84.300.959	84.917.973.938	2.332.820.789	210.067.656.005
Khấu hao trong năm	21.073.445.246	7.300.000	14.235.624.243	588.286.763	35.904.656.252
Số dư cuối năm	143.806.005.565	91.600.959	99.153.598.181	2.921.107.552	245.972.312.257
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.265.573.591.875	18.249.999	472.543.255.862	5.435.187.256	1.743.570.284.992
Số dư cuối năm	1.243.004.443.653	10.949.999	458.126.906.634	4.846.900.493	1.705.989.200.779

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án Ngòi Phát mở rộng	5.655.042.181	4.986.048.028
	5.655.042.181	4.986.048.028

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê văn phòng	11.132.269.557	11.292.062.899
Chi phí khác	88.677.903	106.945.477
	11.220.947.460	11.399.008.376

12. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/06/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	2.078.650.878	2.078.650.878	2.078.650.878	2.078.650.878
Công ty truyền tải điện 1			659.406.458	659.406.458
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	567.805.757	567.805.757	567.805.757	567.805.757
Công ty TNHH MTV Đức Thiện			526.400.506	526.400.506
Công ty Cổ phần Vimeco			13.500.306	13.500.306
Công ty TNHH tư vấn CN Lào- Cai			-	-
Các nhà cung cấp khác	417.718.484	417.718.484	1.034.249.198	1.034.249.198
	3.064.175.119	3.064.175.119	4.880.013.103	4.880.013.103

ngày 30 tháng 06 năm 201, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	30/06/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.983.167.890	15.363.650.348	15.240.708.267	3.106.109.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	1.948.727.821	288.923.188	1.624.650.656
Thuế thu nhập cá nhân	993.857.663	2.614.672.823	3.462.761.643	145.768.842
Thuế tài nguyên	2.238.731.607	14.414.098.927	12.469.155.059	4.183.675.475
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
	6.180.603.183	34.497.799.614	31.461.548.158	9.216.854.639

Trong đó:

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.624.650.656	(35.153.977)
	1.624.650.656	(35.153.977)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi vay phải trả	1.892.365.740	3.849.433.194
	1.892.365.740	3.849.433.194

15. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn	87.587.550	136.409.824
Phải trả về cổ tức	31.080.929.518	728.078.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	3.700.443.168	2.808.595.564
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.257.853.076	279.405.753
	36.126.813.312	3.952.489.798

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000
	21.000.000	21.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2018		Biến động trong năm		30/06/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	54.592.000.000	54.592.000.000	89.184.000.000	89.184.000.000
	89.184.000.000	89.184.000.000	54.592.000.000	54.592.000.000	89.184.000.000	89.184.000.000

(b) Vay dài hạn

	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	1.208.830.067.373	1.293.422.067.373
	1.208.830.067.373	1.293.422.067.373

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/06/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	9,7%	2027	1.015.751.972.373	1.055.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-9,6%	2020	193.078.095.000	237.670.095.000
				1.208.830.067.373	1.293.422.067.373

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kê cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Phát hành cổ phiếu	84.643.100.000	3.745.949.680		88.535.131.356
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	112.591.825.803	112.591.825.803
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	36.222.485.768	36.222.485.768
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.440.000.000)	(6.440.000.000)
Cổ tức	-	-	(89.989.128.000)	(89.989.128.000)
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	(980.000.000)	(980.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	89.345.003.954	603.673.011.267

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.334.017.359	783.514.881
	1.334.017.359	783.514.881

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý II/2018 tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí tài chính


	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2018 VND	30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	57.726.611.069	65.752.593.233
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		270.056.200
Chi phí tài chính khác	46.173.458	367.659.787
	57.772.784.527	66.390.309.220

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

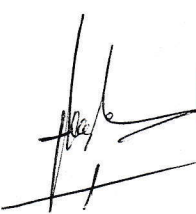
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2018 VND	30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	6.120.706.384	4.213.702.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.388.904	233.134.840
Chi phí khác	4.975.047.109	4.117.569.511
	11.375.142.397	8.564.406.659


Ngày 16 tháng 07 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

